

Số: 101/2019/QĐST-HNGĐ

B, ngày 30 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1988

Trú tại: Phố, TTCN, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm: 1990

Trú tại: Phố, TTCN, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2019.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị T.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

\* **Về hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị T tự nguyện thống

nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

\* **Về con chung:** Anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày: 09/01/2014, Nguyễn Bảo A, sinh ngày 01/7/2015. Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Nguyễn Đăng K cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, giao cháu Nguyễn Bảo A cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Chị Trương Thị T, anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

\* **Về tài sản:** Các đương sự khai thông nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

\* **Về công nợ:** Các đương sự khai thông nhất có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh B số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn) tại hợp đồng tín dụng số: 3503-LAV-201803274 ngày 06/9/2018, bên vay Nguyễn Văn B. Ghi nhận việc khi ly hôn các đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận anh B có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh B.

\* **Về án phí:** Các đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận anh Nguyễn Văn B tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), trả lại cho anh Nguyễn Văn B 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số: AA/2018/0005101 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- UBND TTCN;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trương Văn Sừng**

